

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 183/2019/HS-ST
Ngày: 23-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh
Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 87/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2019/HSST-QĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Lầu Quốc T; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 04 tháng 5 năm 1992, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: 21, ấp 3, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Phật; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Con ông Lầu A U, sinh năm 1962 (Còn Sống) và bà Vy Thị M, sinh năm 1966 (Còn sống); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1991 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 02-11-2018, chuyển tạm giam theo lệnh số 561 ngày 09-11-2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B. (Có mặt)

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Vy Thị M, sinh năm 1966

Trú tại: 21, ấp 3, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

2/ Anh Lầu Quốc C, sinh năm 1989

Trú tại: 21, ấp 3, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

3/ Chị Hồ Thị Bích M, sinh năm 1990

Trú tại: số 80 Nguyễn Thị T, phường B, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo T là người sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 20/9/2018, bà Vy Thị M (là mẹ của Lầu Quốc T) thuê xe ô tô biển số 51G-267.60 của chị Hồ Thị Bích M. Sau đó, bà M giao xe ô tô nói trên cho T để chạy dịch vụ “Grab” chở khách.

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 02/11/2018, T điều khiển xe ô tô biển số 51G-267.60 chở khách đến huyện L, tỉnh Đồng Nai thì gặp một người tên A (chưa rõ lai lịch). A cho T 04 viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc), 03 gói ma túy tổng hợp (trong đó 02 gói “hàng đá” và 01 gói “hàng khay”). T giấu toàn bộ số ma túy vào trong túi xách, để ở băng ghế sau của xe ô tô 51G-267.60. Sau đó, T rủ chị Nguyễn Thị Thu T (sinh năm 2000, trú tại tổ 6, ấp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước) và Tý Ghẹ (chưa rõ lai lịch) đi ăn uống.

Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Tý Ghẹ ra về, T và chị T dừng xe tại khu vực tổ 6, ấp Đ, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để ngủ (Chị T không biết việc T cất giấu ma túy). Đến 22 giờ 30 ngày 02-11-2018, Công an xã P kiểm tra, phát hiện T đang cất giấu ma túy nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T và chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B điều tra xử lý.

Vật chứng thu giữ:

- 04 (Bốn) viên nén màu hồng (được niêm phong – ký hiệu M1);
- 02 (Hai) gói nylon bên trong chứa tinh thể màu trắng (niêm phong ký hiệu M2 và M3);
- 01 (Một) gói nylon hàn kín chứa chất bột màu trắng (được niêm phong – ký hiệu M4).
- Tài sản thu giữ không liên quan đến việc phạm tội, đã giao trả:
 - + 01 (Một) túi xách kích thước 20x20cm màu tím đã giao trả cho Lầu Quốc T;
 - + 01 (Một) xe ô tô biển số 51G-267.60 đã giao trả cho chị Hồ Thị Bích M;
 - + Số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) đã giao trả cho anh Lầu Quốc C (anh ruột của T).
- Tài sản không liên quan đến việc phạm tội, hiện đang tạm giữ: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số Imel 355812092339653, số thuê bao 0967629869 và 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) của Lầu Quốc T.

Về các vấn đề khác của vụ án: Tại Bản kết luận giám định số 564/PC09-GĐMT ngày 09/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

+ Mẫu viên nén màu hồng được niêm phong (kí hiệu M1) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 1,6657gam, loại: MDMA.

+ Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong (kí hiệu M2) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 1,0121gam, loại: Methamphetamine.

+ Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong (kí hiệu M3) gửi đến giám định có khối lượng: 1,1507gam, loại: Dimethyl Sulfone.

+ Mẫu chất bột màu trắng được niêm phong (kí hiệu M4) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 1,7621gam, loại: Ketamine.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã nhận tội theo như nội dung cáo trạng mô tả và không có ý kiến hay khiếu nại kết luận giám định nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo và không có ý kiến về kết luận giám định.

Tại Bản cáo trạng số 97/CT-VKSBBH ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Lầu Quốc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c, g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lầu Quốc T mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù giam.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; Giao trả 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số Imel 355812092339653, số thuê bao 0967629869 và 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) cho Lầu Quốc T do không liên quan đến việc phạm tội.

Đối với đối tượng A (chưa rõ lai lịch, địa chỉ) có hành vi cung cấp ma túy cho T sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thị Thu T không biết việc T cất giấu ma túy trên xe nên Cơ quan Điều tra không xử lý.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai và rất ân hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa **bị cáo, người có quyền**

lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lầu Quốc T đã khai nhận: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 02/11/2018, T điều khiển xe ô tô biển số 51G-267.60 chở khách đến huyện L, tỉnh Đồng Nai thì gặp một người tên A (chưa rõ lai lịch). A cho T 04 viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc), 03 gói ma túy tổng hợp (trong đó 02 gói “hàng đá” và 01 gói “hàng khay”). T giấu toàn bộ số ma túy vào trong túi xách, để ở băng ghế sau của xe ô tô 51G-267.60. Sau đó, T rủ chị Nguyễn Thị Thu T và Tý Ghẹ (chưa rõ lai lịch) đi ăn uống. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Tý Ghẹ ra về, T và chị T dừng xe tại khu vực tổ 6, ấp Đ, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để ngủ (Chị T không biết việc T cất giấu ma túy). Đến 22 giờ 30 ngày 02-11-2018, Công an xã P kiểm tra, phát hiện T đang cất giấu ma túy nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T và chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B điều tra xử lý. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời khai người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như nội dung bản cáo trạng số 97/CT-VKSBH ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy và là một trong những nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm cũng như các tệ nạn xã hội khác. Bản thân bị cáo biết rõ việc tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn vi phạm. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: không có;

Về tình tiết giảm nhẹ: Khi lượng hình phạt đối với bị cáo, xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời khai tại phiên tòa của bị cáo cho thấy bị cáo không có thu nhập và không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định là M1=0,8312 gam, M2=0,9661 gam, M3=1,0451 gam, M4=1,6794 gam (Theo Quyết định chuyển vật chứng số 1209/QĐ-VKSBH ngày 13/02/2019 và Biên bản giao nhận vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B ngày 21/02/2019) là vật thuộc Nhà nước cấm tàng trữ nên căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy

- Đối với 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số Imel 355812092339653, số thuê bao 0967629869 và 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) của Lầu Quốc T do không liên quan đến việc phạm tội nên cần tuyên trả cho bị cáo;

Đối với đối tượng tên A (chưa rõ lai lịch, địa chỉ) có hành vi cung cấp ma túy cho T sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với Nguyễn Thị Thu T không biết việc T cất giấu ma túy trên xe nên Cơ quan Điều tra không xử lý là phù hợp.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Lầu Quốc T** phạm tội **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**.

Áp dụng điểm c, g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lầu Quốc T: **02 (Hai) năm tù giam**. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2018.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định là M1=0,8312 gam, M2=0,9661 gam, M3=1,0451 gam, M4=1,6794 gam (Theo Quyết định chuyển vật chứng số 1209/QĐ-VKSBH ngày 13/02/2019 và Biên bản giao nhận vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B ngày 21/02/2019).

Trả lại cho bị cáo Lầu Quốc T 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, số Imel 355812092339653, số thuê bao 0967629869 và 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) do không liên quan đến vụ án (Theo Quyết định chuyển vật chứng số 1209/QĐ-VKSBH ngày 13/02/2019 và Biên bản giao nhận vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B ngày 21/02/2019);

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và **người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan** là bà Vy Thị M có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, **người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan** là anh Lâu Quốc C và chị Hồ Thị Bích M vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B (2);
- Công an TP. B (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo, đương sự (4);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hoàng Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoàng Phương

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo (1);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hoàng Phương